TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1076/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Vạn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2019/QĐXXST-DS ngày 18/09/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M T, sinh năm 1971, (có mặt)
Địa chỉ: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Đ V Đ, sinh năm 1970, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà T T M T trình bày:

Bà và ông Đ V Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/01/1999. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Do tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Tuyết N, nữ, sinh ngày 17/6/1998 (đã trưởng thành) và Đoàn T A, nam, sinh ngày 14/3/2004. Khi ly hôn bà yêu cầu giao trẻ Đoàn T A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2019, bị đơn là ông Đ V Đ có ý kiến như sau:

Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1993, tự tìm hiểu đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bà T bỏ nhà đi. Vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm và cãi vã nhau, con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Tuyết N, nữ, sinh ngày 17/6/1998 (đã trưởng thành) và Đoàn T A, nam, sinh ngày 14/3/2004, tài sản chung, nợ chung: không có. Nay ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ T A, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ V Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà T T M T yêu cầu ly hôn với ông Đ V Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Đ V Đ có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/01/1999 thì bà T T M T và ông Đ V Đ là vợ chồng được pháp luật công nhận.

[3.2] Về nội dung: Xét lời trình bày của bà T, ông Đ nhận thấy giữa bà T với ông Đ trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp và đã ly thân được hơn 01 năm nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ để sớm ổn định cuộc sống. Tại bản tự khai ngày 29/8/2019, ông Đ thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm và cãi vã nhau.

Ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm và khi được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải ông Đ vẫn vắng mặt không lý do cho thấy ông Đ đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà T và ông Đ có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Tuyết N, nữ, sinh ngày 17/6/1998 (đã trưởng thành) và Đoàn T A, nam, sinh ngày 14/3/2004. Theo lời trình bày của bà T thì hiện tại trẻ T A được ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và nguyện vọng của trẻ Anh muốn được sống với cha nên bà đồng ý giao trẻ Anh cho ông Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Anh cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T T M T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, việc này phù hợp với ý kiến của ông Đ và ông Đ vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T. Nếu sau này ông Đ có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà T T M T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông Đ cùng khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T T M T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T T M T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà T T M T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T T M T được ly hôn với ông Đ V Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 08/01/1999 không còn giá trị pháp lý

1.2. Về con chung: Giao trẻ Đoàn T A, nam, sinh ngày 14/3/2004 cho ông Đ V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T T M T. Nếu sau này ông Đ có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà T T M T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông Đ xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T T M T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0046460 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà T T M T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới